

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/DS-ST

Ngày: 03/5/2018.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Quốc Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Hoàng

2/ Ông Trịnh Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2017, về: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-DS, ngày 22/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/QĐST-DS, ngày 10/4/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông **Lê Ngọc H**, sinh năm: 1996 - Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

- Bà **Trần Huỳnh N**, sinh năm: 1996 - Địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Phan Thị D**, sinh năm: 1959 - Địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1955 - Địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 11 năm 2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Ngọc H và bà Trần Huỳnh N trình bày:

Do giữa vợ chồng ông, bà và bà Phan Thị D là hàng xóm với nhau và bà D gặp khó khăn, muốn vay tiền nên vào đầu năm 2017 ông, bà có cho bà D vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Lần thứ nhất, bà D vay 30.000.000 đồng; Lần thứ hai, vay 45.000.000 đồng và lần thứ ba, vay 30.000.000 đồng. Cả ba lần vay tiền trên thì ông bà không nhớ thời gian cụ thể. Đến ngày 18/5/2017 thì các bên có làm một giấy mượn tiền viết tay, ghi nhận bà D có vay của ông, bà tổng số tiền 105.000.000 (Một trăm lẻ năm triệu) đồng, thời gian trả nợ là ngày 04/6/2017 (Nhằm ngày 10/5/2017 Âm lịch).

Khi đến hạn trả nợ, ông bà đã yêu cầu nhiều lần mà bà D không thực hiện như cam kết. Do đó, ông bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà D trả số tiền đã vay 105.000.000 (Một trăm lẻ năm triệu) đồng, ông bà không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn: Bà Phan Thị D trình bày: Bà thừa nhận có vay của ông Lê Ngọc H và bà Trần Huỳnh N nhiều lần với tổng số tiền 105.000.000 (Một trăm lẻ năm triệu) đồng. Mục đích bà vay tiền là cho một số người quen vay lại và để phục vụ cho sinh hoạt gia đình hàng ngày trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Thanh T. Bà cũng thừa nhận ngày 18/5/2017 thì các bên có làm một giấy tay vay tiền, ghi nhận việc bà có vay của ông H, bà N tổng số tiền 105.000.000 (Một trăm lẻ năm triệu) đồng, thời gian trả nợ là ngày 04/6/2017 (Nhằm ngày 10/5/2017 Âm lịch). Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà vẫn chưa trả số tiền đã vay cho vợ chồng ông H, bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh T (chồng bà D) trình bày: Ông không biết việc vợ ông (bà D) vay tiền của vợ chồng ông H, bà N. Quá trình chung sống thì ông thừa nhận bà D đi làm cùng với ông để chi trả các chi phí sinh hoạt trong gia đình. Đối với nội dung vụ án thì ông có ý kiến để bà D trả số tiền đã vay lại cho ông H, bà N, trường hợp bà D không có tiền thì ông sẽ phụ với bà D trả nợ, ông không đồng ý tham gia vụ án, Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Phan Thị D phải trả cho vợ chồng ông Lê Ngọc H, bà Trần Huỳnh N số tiền 105.000.000 đồng. Về án phí: Ông T, bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Ngọc H, bà Trần Huỳnh N có mặt. Bị đơn bà Phan Thị D có mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Lê Ngọc H và bà Trần Huỳnh N khởi kiện bà Phan Thị D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà D có nơi cư trú tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, phía nguyên đơn ông Lê Ngọc H và bà Trần Huỳnh N cung cấp chứng cứ: 01 Giấy mượn tiền ghi ngày 18/5/2017 có chữ ký của bà Phan Thị D.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T không có mặt để giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Việc vắng mặt này của ông T được coi là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của mình.

Xét, nội dung trong Giấy mượn tiền ghi ngày 18/5/2017 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện việc bà D có vay mượn số tiền 105.000.000 đồng, việc vay mượn tiền có chữ ký của bà D. Bà D cũng thừa nhận là có mượn của vợ chồng ông H và bà N nhiều lần với tổng số tiền là 105.000.000 đồng, mục đích là để cho một số người quen vay lại và phục vụ cho sinh hoạt gia đình hàng ngày trong thời kỳ hôn nhân giữa bà D và ông Nguyễn Thanh T. Bà D đồng ý trả số tiền này cho vợ chồng ông H, bà N. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Mặt khác, mặc dù giao dịch trong giấy mượn tiền này chỉ có bà D thực hiện và bà D cũng thừa nhận việc mượn tiền là để cho một số người quen vay lại và phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân giữa bà D và ông T. Vì vậy, ông Nguyễn Thanh T (chồng bà D) phải có nghĩa vụ cùng với bà D trả số tiền đã vay theo quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc bà D, ông T có vay mượn số tiền 105.000.000 đồng của vợ chồng ông H, bà N là có thật và buộc phải hoàn trả số tiền này.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, bà N cũng như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

[4] Về lãi suất: Ông H, bà N không yêu cầu tính tiền lãi, nên Hội đồng xét

xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông H, bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông T, bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92; Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc H, bà Trần Huỳnh N.

Buộc ông Nguyễn Thanh T, bà Phan Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Lê Ngọc H, bà Trần Huỳnh N số tiền 105.000.000 (Một trăm lẻ năm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Thanh T, bà Phan Thị D phải chịu 5.250.000 (Năm triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Ngọc H, bà Trần Huỳnh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông H, bà N số tiền 2.625.000 (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0017571 ngày 23/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Dương sự;
- Lưu HS - Lưu Tòa án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình